

THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Trần Thị Mỹ Phước,
Saigon University
0918897700
ttmphuoc@sgu.edu.vn

1

Mục tiêu của chương

- Hiểu rõ khái niệm và đặc điểm cơ bản của thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Xác định được các hàng hóa và dịch vụ nằm trong danh mục thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Xác định được phương pháp tính thuế, giá tính thuế, thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Hiểu rõ về khấu trừ thuế, miễn giảm thuế và hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành của Việt Nam

2

CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật số 27/2008/QH12 của Quốc hội : **LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

3

Nội dung của chương

- 3.1. Khái niệm
- 3.2. Đối tượng chịu thuế
- 3.3. Đối tượng không chịu thuế
- 3.4. Đối tượng nộp thuế
- 3.5. Giá tính thuế
- 3.6. Thuế suất
- 3.7. Phương pháp tính thuế
- 3.8. Khấu trừ thuế
- 3.9. Hoàn thuế

4

3.1. Khái niệm

Thuế TTDB là loại thuế gián thu đánh vào **một số** hàng hoá, dịch vụ đặc biệt nằm trong danh mục Nhà nước qui định.

Xét trên góc độ lợi ích của xã hội, hàng hóa và dịch vụ đặc biệt thường là những hàng hóa dịch vụ không được khuyến khích tiêu dùng.

Ngoài ra, thuế tiêu thụ đặc biệt còn được sử dụng để tập trung thu nhập của tầng lớp dân cư có thu nhập cao khi tiêu dùng hàng hóa cao cấp, đắt tiền.

5

Đặc điểm của thuế TTDB

- Là thuế gián thu
- Là thuế đánh một giai đoạn, chỉ thu một lần trong quá trình khi hàng hóa được sản xuất cho đến khâu tiêu dùng cuối cùng.
- Thường có mức động viên cao
- Danh mục hàng hoá, dịch vụ chịu thuế không nhiều và thay đổi tùy thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội và mức sống của dân cư.

6

3.2. Đối tượng chịu thuế:

Bao gồm: 10 mặt hàng và 6 nhóm dịch vụ.

Hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt :

1. Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm.
2. Rượu;
3. Bia
4. Xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng.

7

3.2. Đối tượng chịu thuế:

Bao gồm: 10 mặt hàng và 6 nhóm dịch vụ.

Hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt :

5. Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xy lanh trên 125cm³
6. Tàu bay, du thuyền
7. Xăng các loại, núp ta, chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác để pha chế xăng.
- 8 Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống.
9. Bài lá.
10. Vàng mã, hàng mã.

8

3.2. Đối tượng chịu thuế:

Bao gồm: 10 mặt hàng và 6 nhóm dịch vụ.

Dịch vụ chịu thuế TTĐB

1. Kinh doanh vũ trường.
2. Kinh doanh mát xa, karaoke.
3. Kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy giắc pốt, máy sòlôt và các loại máy tương tự.
4. Kinh doanh đặt cược.
5. Kinh doanh golf bao gồm bán thẻ hội viên và vé chơi golf.
6. Kinh doanh xổ số.

9

3.3. Đối tượng không chịu thuế

- Hàng hoá do cơ sở sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu (trừ ô tô < 24 chỗ ngồi bán cho doanh nghiệp chế xuất)
- Hàng hoá bán hoặc uỷ thác cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu theo hợp đồng kinh tế.
- Một số trường hợp thuộc diện được miễn thuế nhập khẩu theo qui định: hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại, hàng trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế ...
- Hàng nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng từ nội địa vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hóa mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ ngồi.

10

3.3. Đối tượng không chịu thuế

- Tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách và kinh doanh du lịch.
- Xe ô tô dùng để sử dụng làm xe cứu thương, xe chở phạm nhân, xe tang lễ, xe thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng chở được từ 24 người trở lên; xe ô tô chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao không đăng ký lưu hành và không tham gia giao thông.
- Điều hòa nhiệt độ công suất 90.000 BTU trở xuống, dùng để lắp trên phương tiện vận tải, gồm ô tô, toa xe lửa, tàu thuyền, tàu bay.

11

3.4. ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ

Tổ chức, cá nhân Sản xuất → Hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB

Tổ chức, cá nhân Nhập khẩu → Hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB

Tổ chức, cá nhân Kinh doanh → Dịch vụ thuộc diện chịu thuế TTĐB

12

Căn cứ tính thuế

1. Giá tính thuế
2. Thuế suất

13

3.5. Giá tính thuế

a. Đối với hàng sản xuất trong nước:

Là giá bán của cơ sở sản xuất chưa có thuế TTĐB, chưa có thuế GTGT và không loại trừ giá trị vỏ bao bì.

$$\text{GTT TTĐB} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT – Thuế BVMT}}{(1 + \text{TS thuế TTĐB})}$$

Ví dụ: Một cơ sở SX thuốc lá trong tháng N/2015 xuất kho tiêu thụ 100 cây thuốc lá giá bán chưa có thuế GTGT là 108.900 đ/cây. Thuế suất thuế TTĐB của thuốc lá trên là 65%.

Xác định giá tính thuế TTĐB phát sinh trong tháng của cơ sở trên.

14

3.5. Giá tính thuế

b. Đối với hàng nhập khẩu

GTT.TTĐB = Giá tính thuế nhập khẩu + Thuế nhập khẩu

Nếu thuế nhập khẩu được miễn, giảm thì giá tính thuế TTĐB không bao gồm số thuế nhập khẩu được miễn, giảm.

Ví dụ: Cơ sở A trong tháng N/ 2015 nhập khẩu 100 chiếc điều hoà nhiệt độ, giá tính thuế nhập khẩu qui đổi ra tiền Việt Nam là 5trđ/chiếc. Thuế suất thuế nhập khẩu của ĐHND là 20%. Thuế suất thuế TTĐB là 15%.

Xác định GTT TTĐB cơ sở phải nộp đối với lô hàng nhập khẩu nói trên.

15

3.5. Giá tính thuế

c. Đối với hàng gia công:

Là giá tính thuế của hàng hoá bán ra của cơ sở giao gia công hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm bán hàng chưa có thuế GTGT và chưa có thuế TTĐB.

Ví dụ: Doanh nghiệp A trong tháng M/2015 xuất trả hàng gia công 100 cây thuốc lá cho DN B với đơn giá gia công (chưa có thuế GTGT, chưa có thuế TTĐB) là 40.000đ/cây. Giá bán thuốc lá cùng loại của doanh nghiệp B trong nước chưa có thuế GTGT là 107.250đ/cây. Thuế suất thuế TTĐB của thuốc lá là 65%.

Xác định GTT TTĐB cơ sở phải nộp đối với lô hàng trên.

16

3.5. Giá tính thuế

d. Hàng bán theo phương thức trả góp

Là giá bán chưa có thuế GTGT và thuế TTĐB của hàng hoá bán theo phương thức trả tiền một lần.

Ví dụ: Công ty sản xuất Toyota Việt Nam khi bán ô tô đã đưa hai phương thức bán hàng:

- Nếu người mua trả chậm trong vòng 5 năm có giá bán chưa thuế $G = 950 \text{ trđ/ô tô}$
- Nếu trả ngay một lần thì giá bán chưa thuế GTGT 800trđ/ô tô

Thuế suất thuế TTĐB của ô tô là 50%. Xác định thuế TTĐB của ô tô

17

3.5. Giá tính thuế

e. Đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi, biếu tặng, tiêu dùng nội bộ, cho, khuyến mại:

Là giá tính thuế TTĐB của hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Ví dụ: Nhà máy rượu Hà Nội trong tháng 2/N sản xuất được 100.000 chai rượu Vodka, trong đó tiêu thụ trong nước 60.000 chai với giá bán chưa có thuế GTGT là 65.000đ/chai, 5.000 chai dùng để tiêu dùng nội bộ, biếu tặng và dùng làm quà tết cho CBCNV trong nhà máy, 2.000 chai dùng để khuyến mại cho các khách hàng mua với số lượng lớn.

Xác định thuế TTĐB. Biết thuế suất thuế TTĐB của rượu là 45%, thuế suất thuế GTGT là 10%.

18

3.5. Giá tính thuế

f. Dịch vụ: Giá tính thuế là giá dịch vụ chưa có thuế GTGT và chưa có thuế TTĐB

Giá dịch vụ chưa có thuế GTGT

GTT = -----

1 + TS thuế TTĐB

Ví dụ: Tại trường đua Phú Thọ trong ngày 01/06 có tình hình sau: bán 15 vé đặt cược đua ngựa với giá bán 1 vé đã có thuế TTĐB và thuế GTGT là 10.000 đồng. Trong số 15.000 vé đã bán có 100 vé trúng thưởng, mỗi vé trúng được 100.000 đồng. Thuế suất thuế TTĐB đua ngựa là 30%, thuế suất GTGT là 10%. Xác định giá thuế TTĐB.

19

3.6. Thuế suất thuế TTĐB:

- Thuế suất thuế TTĐB không phân biệt giữa hàng nhập khẩu hay hàng sản xuất trong nước.
- Mức thuế suất cao nhất là 70% áp dụng với hàng mã, vàng mã. Mức thấp nhất là 10% áp dụng với mặt hàng xăng các loại.

20

3.7. Phương pháp tính thuế

Thuế tiêu thụ đặc biệt

=

Số lượng hàng, dịch vụ tiêu thụ

×

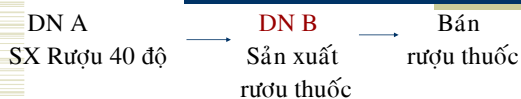
Giá tính thuế

×

Thuế suất (%) của thuế ttđb

21

3.8. KHẤU TRỪ THUẾ TTĐB



Nếu đơn vị sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB bằng nguyên liệu đã chịu thuế TTĐB thì khi kê khai thuế TTĐB ở khâu sản xuất sẽ được khấu trừ số thuế TTĐB đối với nguyên liệu tương ứng với số sản phẩm đã tiêu thụ

22

3.8. KHẤU TRỪ THUẾ TTĐB (tt)

Ví dụ: Tại 1 cơ sở sản xuất rượu thuốc có tình hình như sau:

- Nhập khẩu 10.000 lít rượu trên 40 độ, thuế TTĐB đã nộp khi nhập khẩu 80 trđ.
- Xuất kho 8.000 lít rượu trên 40 độ để sản xuất 16.000 chai rượu thuốc cùng dung tích.
- Xuất bán 14.000 chai rượu thuốc với giá bán chưa thuế GTGT 60.000 đ/chai

Yêu cầu: Xác định thuế TTĐB cơ sở sản xuất rượu phải nộp biết rằng, thuế suất thuế TTĐB của rượu thuốc 20%

23

3.8. KHẤU TRỪ THUẾ TTĐB (tt)

Ví dụ: Tại công ty chế biến rượu vang nho A trong năm 200X có những số liệu sau :

- Công ty đã nhập khẩu rượu nguyên chất 40 độ tại Pháp: 60.000 lít theo giá nhập khẩu CIF: 50.000 đ/lít để chế biến ra được 240.000 chai rượu vang nho (chai 0,750 lít).
- Sau đó công ty đã xuất bán 200.000 chai rượu vang nho với giá chưa có thuế GTGT 120.000đ/chai.

Yêu cầu : Tính thuế TTĐB phải nộp trong năm 200X.

Biết rằng :

- Thuế suất TTĐB rượu nước nguyên chất 40 độ là 75%.
- Thuế suất thuế nhập khẩu rượu nguyên chất 40 độ là 30%.
- Thuế suất thuế TTĐB rượu vang nho 20%.

24

3.9. HOÀN THUẾ

- Hàng tạm nhập khẩu nếu đã nộp thuế TTĐB, thì khi tái xuất khẩu được hoàn lại số thuế TTĐB đã nộp tương ứng với số hàng đã tái xuất khẩu.
- Hàng nhập khẩu đã nộp thuế TTĐB theo khai báo, nhưng thực tế nhập khẩu ít hơn so với khai báo (do hư hỏng, mất, giao không đủ hàng).
- Hàng nhập khẩu đã nộp thuế TTĐB nhưng không phù hợp về chất lượng, chủng loại theo hợp đồng được phép xuất khẩu trả lại cho nước ngoài (*thì được hoàn lại số thuế TTĐB đã nộp tương ứng với số hàng xuất trả cho nước ngoài*).